Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2707.10.00

Mã HS	2707.10.00
Mô tả hàng hóa	Dầu và các sản phẩm khác từ chưng cất hắc ín than đá ở nhiệt độ cao; các sản phẩm tương tự có khối lượng cấu tử thơm lớn hơn cấu tử không thơm / - Benzen
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	05/11/2026 16:52:31
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/27071000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K3265
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N3265
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q3265
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ3265
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E3257
ATIGA	2022	2022	0	AT!E3218
ATIGA	2023	2023	0	AT!F3218
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3218
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3218
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3218
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3218
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E3256
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F3256
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G3256

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H3256
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I3256
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J3256
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E3260
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F3260
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G3260
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H3260
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I3260
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J3260
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F3260
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H3224
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F3220
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G3220
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H3220
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I3220
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J3220
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K3220
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3220
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3220
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3220
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3220
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3220
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3220
VCFTA	2022	2022	0	VC!D3267
VCFTA	2023	2023	0	VC!E3267
VCFTA	2024	2024	0	VC!F3267

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G3267
VCFTA	2026	2026	0	VC!H3267
VCFTA	2027	2027	0	VC!I3267
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D3264
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E3264
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F3264
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G3264
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H3264
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I3264
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D3272
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E3272
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F3272
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G3272
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H3272
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I3272
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D3243
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E3243
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F3243
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G3243
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H3243
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I3243
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D3245
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E3245
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F3245
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G3245
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H3245

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I3245
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D3241
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E3241
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F3241
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G3241
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H3241
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I3241
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J3241
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D3264
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E3264
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F3264
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G3264
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H3264
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I3264
RCEP B	2022	2022	0	B!D3264
RCEP B	2023	2023	0	B!E3264
RCEP B	2024	2024	0	B!F3264
RCEP B	2025	2025	0	B!G3264
RCEP B	2026	2026	0	B!H3264
RCEP B	2027	2027	0	B!I3264
RCEP C	2022	2022	0	C!D3264
RCEP C	2023	2023	0	C!E3264
RCEP C	2024	2024	0	C!F3264
RCEP C	2025	2025	0	C!G3264
RCEP C	2026	2026	0	C!H3264
RCEP C	2027	2027	0	C!I3264

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D3264
RCEP D	2023	2023	0	D!E3264
RCEP D	2024	2024	0	D!F3264
RCEP D	2025	2025	0	D!G3264
RCEP D	2026	2026	0	D!H3264
RCEP D	2027	2027	0	D!I3264
RCEP E	2022	2022	0	E!D3267
RCEP E	2023	2023	0	E!E3267
RCEP E	2024	2024	0	E!F3267
RCEP E	2025	2025	0	E!G3267
RCEP E	2026	2026	0	E!H3267
RCEP E	2027	2027	0	E!I3267
RCEP F	2022	2022	0	F!D3264
RCEP F	2023	2023	0	F!E3264
RCEP F	2024	2024	0	F!F3264
RCEP F	2025	2025	0	F!G3264
RCEP F	2026	2026	0	F!H3264
RCEP F	2027	2027	0	F!I3264
VIFTA	2024	2024	*	VI!F3008
VIFTA	2025	2025	*	VI!G3008
VIFTA	2026	2026	*	VI!H3008
VIFTA	2027	2027	*	VI!I3008

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Hàng hóa nhóm 2 (2711/QĐ-BKHCN 2022)		2711/QĐ-BKHCN	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2707.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 2707.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N3265), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng hóa nhóm 2 (2711/QĐ-BKHCN 2022)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.